

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2019/DS-PT

Ngày: 28-6-2019

"V/v tranh chấp dân sự về yêu cầu tôn trọng quy tắc xây dựng và ranh giới quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04/6/2019, ngày 27/6/2019 và ngày 28/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự về yêu cầu tôn trọng quy tắc xây dựng và ranh giới quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 154/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 187/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 1963 (Có mặt);

1.2. Ông Phạm Chí T1, sinh năm: 1959;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Chí T1 là bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 1963 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2019);

Cùng địa chỉ: Số A, đường B, Tổ C, Khóm D, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm: 1959 (Có mặt);

2.2. Bà Trần Thị Minh H1, sinh năm: 1962;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Minh H1 là ông Huỳnh Văn T2, sinh năm: 1959;

Cùng địa chỉ: Số G, đường B, Tổ C, Khóm D, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2016).

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 (Là các nguyên đơn trong vụ án).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H (đồng thời bà Nguyễn Thị Xuân H cũng là đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Chí T1) trình bày:***

Nguồn gốc đất của bà H và ông T1 đã cất nhà là chuyển nhượng của bà V vào tháng 7/1993, diện tích chuyển nhượng là 160,34m<sup>2</sup>, lúc chuyển nhượng tứ cận phần đất: 01 cạnh giáp bà Sáu Cây G (không biết tên trong giấy), 01 cạnh giáp ông Bảy V, 01 cạnh giáp bà Năm B, 01 cạnh giáp đường 30/4. Sau khi chuyển nhượng xong đến năm 1999 thì bà H, ông T1 xây dựng nhà cấp 3 một trệt 03 lầu. Khi xây dựng cạnh giáp với bà Năm B (có tranh chấp vách nhà bị dính với ông T2) sử dụng đã có nhà từ trước, khi xây dựng bà H và ông T1 không xây dựng hết ranh đất lý do vương máng xối nhà bà Năm B, nên cạnh giáp với bà S còn lại 0,2m; phía sau giáp bờ kè cũng bị vương, nên không xây hết còn lại 0,1m. Khi bà H, ông T1 xây dựng nhà thì nhà bà Năm B là nhà tolle, xây bó nền, nên khi tô vách tường phía ngoài giáp với nhà bà Năm B thì bà H, ông T1 tô liền mí, không có chừa đà. Lúc bà Năm B sử dụng thì chưa có quyền sử dụng đất, đến ngày 16-11-2012 thì ông Đỗ Bá Q và vợ là Trương Thị Thu E mới làm giấy và đứng tên quyền sử dụng đất phần đất này. Việc ông T2, bà H1 chuyển nhượng đất của ông Q, bà E từ khi nào thì bà H không biết.

Ngày 24-10-2013, ông T2 có đập sàn ban công khoảng 1m do bị hai hộ giáp ranh hướng ra đường 30/4 là hộ ông Vui và hộ ông Bình khiếu nại với lý do lấn hẻm công cộng, việc đập ban công của ông T2 ảnh hưởng đến nhà bà H, làm nứt tường nhà do phần đà bê tông lầu 1 nhà ông T2 đổ gác lên đầu dầm sàn lầu 1 nhà bà H khoảng 3mm, phần sắt chịu lực bê tông nhà ông T2 còn thể hiện ló 01 cây sắt chịu lực gác lên đầu dầm nhà bà H, như vậy nhà bà H phải gánh thêm nhà ông T2. Sau khi phát hiện sự việc bà H có gặp bà H1 vợ ông T2 để yêu cầu đục phần đà cách ra, bà H1 đồng ý, nhưng sau đó không thực hiện.

Sự việc được Ủy ban nhân dân phường 1 giải quyết. Tại phường ông T2 thống nhất đục phần đà giáp nhà bà H khoảng cách 0,3cm, T1 gian thực hiện là

05 ngày, từ ngày 06/11/2013 đến ngày 11/11/2013 và khắc phục vết rãnh nứt tầng trệt nhà bà H, sau khi khắc phục xong, nếu có nứt bà H tự chịu.

Sau đó, ông T2 không thực hiện mà còn xây bít phần hiện trạng giáp với bà H. Ngày 20/01/2014 đại diện phòng quản lý đô thị thành phố C kết hợp với phường 1 xuống xem xét hiện trạng, bà H đã thuê người đập tường chỗ ông T2 xây bít thì phát hiện đầu dầm sàn ngang lầu 1 nhà ông T2 (2 tầng x 3tác) đổ dính áp sát tường nhà bà H theo chiều dài nhà khoảng hơn 4m, có chiều cao là 0,3m. Cốt sàn nhà ông T2 có độ cao nằm trên cốt sàn nhà bà H, trong khi đó nhà bà H được xây dựng vào năm 1999 độc lập, nhà ông T2 mới xây dựng năm 2013.

Nay bà H và ông T1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn T2 và bà Nguyễn Thị Minh H1 phải thực hiện đục cách tường nhà bà H ra cụ thể:

Đầu dầm sàn ngang lầu 1 nhà ông T2 (2tác x 3tác) đổ dính áp sát tường bà H theo chiều dài 3m có chiều cao là 0,3m không được dính vào nhà bà H và trả lại nguyên hiện trạng nhà độc lập cho bà H.

Bà H xác định là không tranh chấp ranh đất với ông T2, bà H1, giữ nguyên hiện trạng ranh đất là mí tường ngoài nhà do bà H xây và ông nước của bà H, phần đất trống còn lại ông T2 và bà H1 được sử dụng, nhưng không được dính tường nhà bà H. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2014 thì bà H xác định ranh đất giữa bà H và ông T2 thể hiện ở các mốc 3, 4, 5. Tại phiên hòa giải bà H xác định lại ranh đất giữa bà H và ông T2 là theo hiện trạng những gì bà H đã xây dựng (vách tường và ống nước).

**- Bị đơn ông Huỳnh Văn T2 (đồng thời ông Huỳnh Văn T2 cũng là đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Minh H1) trình bày:**

Nguồn gốc đất ông T2, bà H1 đang sử dụng là chuyển nhượng của Đỗ Bá Q và Trương Thị Thu E vào ngày 16-11-2012, hiện trạng lúc chuyển nhượng phần đất có 01 căn nhà tạm, phía bên giáp bà H là vách tolle, nhưng sau khi chuyển nhượng thì cho lại ông Q để bán xác nhà làm chi phí di dời, hiện trạng lúc nhận là nền trống. Sau khi nhận xong thì ông T2, bà H1 tiến hành xây dựng nhà. Trong giấy phép xây dựng là nhà vách riêng. Khi xây dựng nhà do bận công việc, nên ông T2, bà H1 giao cho thầu xây dựng. Khi đào móng thầu có báo với ông T2 là hầm cầu nhà bà H lấn về phía đất ông T2 cạnh sau giáp bờ kè lấn qua đất ông T2 là 25cm. Khi phát hiện, ông T2 không có báo cho bà H biết, cũng không có báo với chính quyền địa phương lập biên bản về việc này.

Khi xây dựng đến khi đổ đà lầu 1 thì bà H có phát hiện việc đà dọc và đà ngang lầu 1 đổ sát nhà bà H, bà H có kêu khắc phục, nhưng khi nói với thầu xây dựng thì thầu cho rằng không ảnh hưởng gì, nên không khắc phục.

Ông T2 xác định xây dựng nhà vách tường đà thẳng đứng từ dưới lên do nhà bà H xây dựng từ năm 1999, tường đà tô liền mí nên việc đổ đà sát vách nhà bà H là nằm trong diện tích ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện tại đầu đà và ống nước nhà bà H nhô sang đất ông T2, ông T2 yêu cầu bà H di dời về phía nhà bà H.

Tại phiên hòa giải ông T2 có thay đổi yêu cầu so với đơn khởi kiện phản tố là ông T2 thống nhất ranh giữa ông T2 và bà H là mí ngoài vách tường nhà bà H thể hiện ở các mốc 8, mốc 9, mốc 20 và yêu cầu di dời ống nước lẩn qua và di dời hầm cầu lẩn qua đất ông T2, bà H1.

Đối với ông Huỳnh Văn T2 và Trần Thị Minh H1 có yêu cầu phản tố về việc tranh chấp ranh đất với bà H, ông T1, nhưng có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu và không tranh chấp trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 31/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91; Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 267 Bộ luật dân sự 2005; Nghị Quyết về án phí, lệ phí số: 326/2016/PL-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 về việc yêu cầu thực hiện đục cách ly hai vách tường nhà đã xây dựng.

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng nhà của các phía hai vách dính liền nhau đã cố định. Các bên sử dụng có quyền sửa chữa, coi nói, che chắn trong phạm vi sử dụng của mình và phải đảm bảo không gây thiệt hại cho bên còn lại.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

+ Chi phí thẩm định đối với yêu cầu của nguyên đơn là 3.430.000 đồng, do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu (đã nộp chi xong).

+ Chi phí thẩm định đối với yêu cầu phán tố của bị đơn là 500.000 đồng, do bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nên bị đơn phải chịu (đã nộp chi xong).

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 400.000 đồng đã nộp theo

biên lai số 021906 ngày 28/3/2014 và biên lai số 033969 ngày 06/7/2015. Bà H và ông T1 mỗi người phải nộp thêm 100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Huỳnh Văn T2, bà Trần Thị Minh H1 không phải chịu án phí và được nhận lại 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 035245 ngày 21/10/2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, T1 hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 11 năm 2018, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn T2 và bà Trần Thị Minh H1 đồng ý bản án dân sự sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong T1 hạn luật định.

- Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Huỳnh Văn T2 có mặt tại phiên tòa ngày 28/6/2019.

[2] Theo nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Bà H, ông T1 yêu cầu ông T2, bà

H1 phải thực hiện đục dầm sàn ngay vị T2 lầu 1 của nhà ông T2 (kích thước 20cm x 30cm) đã đổ dính áp sát tường nhà của bà H, ông T1 theo chiều dài khoảng hơn 04m, chiều cao là 0,3m và không được cho dầm sàn cũng như tường nhà của ông T2, bà H1 dính vào tường nhà của bà H, ông T1 để trả lại nguyên hiện trạng nhà độc lập như ban đầu, vì bà H cho rằng dầm sàn nhà ông T2, bà H1 dính sát tường nhà bà H sẽ gây ảnh hưởng và thiệt hại đến tường nhà của bà H, ông T1 trong quá trình sử dụng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của bà H, ông T1 là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Việc xây cất nhà của ông T2, bà H1 có dầm, sàn đà tại vị T2 lầu 01 có sát vào vách tường nhà của bà H, ông T1 và dầm, sàn đà này sát vách tường nhà bà H, ông T1 không có ảnh hưởng đến kết cấu nhà và không có xảy ra thiệt hại thực tế, việc bà H yêu cầu phía ông T2, bà H1 tách rời 02 vách tường nhà sẽ không khả thi và khó thi hành hoặc có thể dẫn đến những thiệt hại lớn hơn cho các bên. Đồng T1, việc dầm, sàn đà tường của nhà ông T2, bà H1 sát vách tường nhà của bà H, ông T1 là chưa xây phạm qua phần đất của bà H, vì bà H và ông T2 xác định ranh đất giữa hai bên là ngay vách tường nhà bà H, ông T1 (ngay vị T2 mốc 8, mốc 9, mốc 10 theo sơ đồ) để làm ranh với nhau. Điều đó, cho thấy ông T2, bà H1 xây tường nhà chưa phạm qua phần đất của bà H, ông T1 là hoàn toàn đúng sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông T1 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T1 về việc yêu cầu ông T2, bà H1 phải thực hiện đục cách tường nhà của ông T2, bà H1 với tường nhà của bà H, ông T1.

[4] Tại cấp sơ thẩm, ông T2 và bà H1 có yêu cầu phản tố về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với bà H, ông T1, nhưng ông T2, bà H có đơn rút lại yêu cầu phản tố trên nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố trên của ông T2, bà H1 là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông T1; Đồng T1 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông Huỳnh Văn T2 và bà Trần Thị Minh H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn T2 và bà Trần Thị Minh H1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do rút yêu cầu phản tố về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với bà H, ông T1.

[8] Về chi phí tố tụng:

+ Chi phí thẩm định đối với yêu cầu của nguyên đơn là 3.430.000 đồng, do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu (nguyên đơn đã nộp chi xong).

+ Chi phí thẩm định đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là 500.000 đồng, do bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nên bị đơn phải chịu (bị đơn đã nộp chi xong).

[9] Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng nội dung theo quy định của pháp luật nên cần phải sửa lại cách tuyên án cho đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 về việc yêu cầu đực cách ly tường nhà của ông Huỳnh Văn T2, bà Trần Thị Minh H1 với tường nhà của bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Phạm Chí T1.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn T2, bà Trần Thị Minh H1 với bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Phạm Chí T1.

5. Về án phí:

5.1 Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (trong đó: 200.000 đồng theo biên lai số 021906 ngày 28/3/2014 và 200.000 đồng theo biên lai số 033969 ngày 06/7/2015) của Chi cục thi hành án thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 mỗi người phải nộp thêm 100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Ông Huỳnh Văn T2 và bà Trần Thị Minh H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn T2 và bà Trần Thị Minh H1 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí (trong đó: 300.000 đồng theo biên lai số 08673 ngày 12/6/2017 và 400.000 đồng theo biên lai số 035245 ngày 21/10/2015 của Chi cục thi hành án thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm kháng cáo, nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005119 ngày 05/01/2019 của Chi cục thi hành án thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (bà H và ông T1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm kháng cáo).

6. Về chi phí tố tụng:

6.1 Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Phạm Chí T1 phải tự chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.430.000 đồng (bà H, ông T1 đã nộp chi xong).

6.2. Ông Huỳnh Văn T2 và bà Trần Thị Minh H1 phải tự chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Ông T2, bà H1 đã nộp chi xong).

7. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**



- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Giao**